TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2026/HNGĐ - ST
Ngày 11 – 3 - 2026
Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trạng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 11 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 31/2026/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Mỷ P, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp H, xã T, tỉnh Cà Mau. Căn cước công dân số 096177006448 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 28/10/2022 (vắng mặt).
- *Bị đơn:* Ông Lý Văn T, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp H, xã T, tỉnh Cà Mau. Căn cước công dân số 096077009149 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 16/9/2022 (vắng mặt).
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng N – chi nhánh Đ; địa chỉ: Ấp D, xã Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Phan Mỷ P và ông Lý Văn T thống nhất trình bày:

Về hôn nhân: Ông bà chung sống vào năm 1998 trên tinh thần tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, ông bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống không hòa hợp dẫn đến cự cãi và ly thân cách đây 01 năm. Ông bà thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận ông bà là vợ chồng.

Về con chung: Ông bà có ba con chung là anh Lý Hoàng D, sinh năm 1997, anh Lý Minh D1, sinh năm 2004 và anh Lý Đại D2, sinh năm 2004. Các con đã trưởng thành nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông bà có một phần đất diện tích 11.235m^2 tọa lạc ấp T, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (nay là ấp H, xã T, tỉnh Cà Mau).

Tại đơn khởi kiện, bà P yêu cầu chia cho bà và ông T mỗi người được hưởng phần đất diện tích 5.617,5m^2. Tại Biên bản hòa giải ngày 06/3/2026, bà P, ông T yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tại đơn khởi kiện, bà P yêu cầu chia đôi số tiền nợ 70.000.000đ tại Ngân hàng N – chi nhánh Đ, mỗi người trả cho Ngân hàng N – chi nhánh Đ số tiền 35.000.000đ. Tại Biên bản hòa giải ngày 06/3/2026, bà P, ông T xác định đã tất toán xong khoản nợ trên.

Đại diện Ngân hàng N – chi nhánh Đ - Cà Mau trình bày tại đơn xin từ chối tham gia tố tụng ngày 20/01/2025: Ngân hàng không yêu cầu độc lập và từ chối tham gia xét xử cho đến khi kết thúc vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phan Mỷ P, ông Lý Văn T và Ngân hàng N – chi nhánh Đ có yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Bà P, ông T chung sống năm 1998 trên tinh thần tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng..."*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà P và ông T.

[3] Về con chung: Xét thấy, anh Hoàng D, anh Minh D1 và anh Đại D2 đã trưởng thành và các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không đặt ra cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện, bà P yêu cầu chia cho bà và ông T mỗi người được hưởng phần đất diện tích 5.617,5m^2. Tại Biên bản hòa giải ngày 06/3/2026, bà P yêu cầu tự thỏa thuận, rút yêu cầu giải quyết. Nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu trên của bà P. Bà P được quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[5] Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà P phải chịu 300.000đ, đã nộp 3.810.000đ đối trừ được nhận lại số tiền 3.510.000đ. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Các đương sự không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 217; Điều 218; khoản 1 Điều 228; Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Mỷ P.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Phan Mỷ P và ông Lý Văn T là vợ chồng.

2. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu của bà Phan Mỷ P về việc yêu cầu phân chia phần đất diện tích 11.235m^2 tọa lạc ấp H, xã T, tỉnh Cà Mau.

3. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phan Mỷ P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), bà P đã nộp tạm ứng án phí số tiền 3.810.000đ (ba triệu tám trăm mười nghìn đồng) theo biên lai số 0000410 ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, đối trừ được nhận lại số tiền 3.510.000đ (ba triệu năm trăm mười nghìn đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Các đương sự không phải chịu.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)
Đặng Quốc Trạng